

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2019/DSST
Ngày 07-10-2019
V/v Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Thanh Thà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Phước Trinh;
2. Bà Phạm Thị Ngọc.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên Tòa:* Ông Nguyễn Anh Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét
xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 257/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm
2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
190/2019/QĐXX-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa
số 149/2019/QĐ-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 266-268 N, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ
Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ:
Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T, sinh năm 1984 (Theo
văn bản ủy quyền số 289/2019/UQ-TTT ngày 17 tháng 9 năm 2019). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 183 Tỉnh lộ T, Khu phố B, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí
Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/5/2011, ông Nguyễn Hữu N có ký với Ngân hàng thương mại cổ
phần S (gọi tắt là Ngân hàng) sử dụng thẻ tín dụng Visa Credit 472074-0722 với
hạn mức sử dụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Đến ngày 03/5/2012 ông

Nguyễn Hữu N đăng ký thêm thẻ tín dụng Family 970403-1185 với hạn mức sử dụng là 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 147.477.766đ (một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi sáu đồng) gồm thẻ Visa Credit 472074-0722 là 91.629.356đ và thẻ Family 970403-1185 là 55.848.410đ. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau, ông N phải chịu các khoản phí theo quy định của Ngân hàng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông N đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 173.936.900đ (một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm đồng), sau đó ông N không thanh toán cho Ngân hàng số tiền nào nữa. Ông N còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử 07/10/2019 là 40.624.813đ (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm mười ba đồng).

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở ông N không có thiện chí trả nợ nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn bao gồm: Nợ gốc là 17.874.751đ và lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất công bố, áp dụng tại thời điểm hiện tại là 22.750.062đ. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 40.624.813đ (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm mười ba đồng), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao), Giấy ủy quyền, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng (bản sao), Bản kê quá trình thanh toán và Bản tính lãi, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (photo) của ông N.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu N.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng 40.624.813đ (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm mười ba đồng), yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 08/10/2019 cho đến khi ông N trả hoàn tất số tiền nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa xác định việc cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S với ông Nguyễn Hữu N là có thực, tự nguyện, hợp pháp. Tuy nhiên, ông N không trả nợ cho ngân hàng đúng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc yêu cầu Tòa án buộc ông N có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi quá hạn và lãi phát sinh từ ngày 08/10/2019 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn C, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu N có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng số nợ gốc và lãi còn thiếu là 40.624.813đ (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm mười ba đồng).

Tại phiên Tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ông N có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số nợ gốc và lãi còn thiếu là 40.624.813đ (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm mười ba đồng), yêu cầu trả một lần số tiền trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, yêu cầu ông N phải trả lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo cho đến khi ông N trả hoàn tất số tiền nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định: Ngày 23/5/2011, ông Nguyễn Hữu N có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S sử dụng thẻ tín dụng Visa Credit 472074-0722 với hạn mức sử dụng là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), đến ngày 03/5/2012 ông Nguyễn Hữu N đăng kí thêm thẻ tín dụng Family 970403-1185 với hạn mức sử dụng là 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 147.477.766đ (một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm sáu mươi sáu đồng) gồm thẻ Visa Credit 472074-0722 là 91.629.356 đồng và thẻ Family 970403-1185 là 55.848.410 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông N đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền 173.936.900đ

(một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm đồng), số nợ còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm của 02 thẻ tín dụng là 40.624.813đ (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm mười ba đồng), trong đó nợ gốc là 17.874.751đ và lãi quá hạn là 22.750.062đ.

[3] Xét trong quá trình giải quyết vụ án, ông N vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 khoản 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần buộc ông Nguyễn Hữu N trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền nợ còn là 40.624.813đ (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm mười ba đồng) và tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 08/10/2019 cho đến khi ông N trả hoàn tất số tiền nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

[4] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Hoàn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Hữu N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tổng cộng là 40.624.813đ (bốn mươi triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm mười ba đồng), trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 08/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hữu N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 13/5/2011 và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/4/2012.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hữu N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.031.241đ (hai triệu không trăm ba mươi một ngàn hai trăm bốn mươi một đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 690.757đ (sáu trăm chín mươi ngàn bảy trăm năm mươi bảy đồng) theo biên lai số 0032648 ngày 05/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Củ Chi;
- CCTHADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Thanh Thà

